

Số: 20/2020/QĐST-HNGĐ

Chiêm Hóa, ngày 22 tháng 01 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 50/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1984;

Nơi đăng ký HKTT: Thôn NT, xã TM, huyện CH, tỉnh TQ;

Nơi ở hiện nay: Thôn AP, xã TA, huyện CH, tỉnh TQ;

Bị đơn: Anh Ma Doãn T, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Thôn NT, xã TM, huyện CH, tỉnh TQ;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Tô Văn P, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn NR, xã HL, huyện CH, tỉnh TQ;

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 59, 60, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 01 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 01 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hoàng Thị H và anh Ma Doãn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Hoàng Thị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ma Doãn T (Hoàng Trọng N), sinh ngày 01/01/2012.

Anh Ma Doãn T không phải cấp dưỡng cho con sau ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu Tòa án ghi trong Quyết định trước khi Tòa án tiến hành hòa giải, cụ thể như sau:

+ Về tài sản chung:

Chị Hoàng Thị H được quyền sở hữu 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA; số loại TAURUS; màu sơn: Trắng - Đen; Biển số đăng ký 22F1-065.85, đăng ký lần đầu ngày 13/9/2012 tại Công an huyện Chiêm Hóa (Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 007312 - Tên chủ xe Ma Doãn T, sinh năm 1974).

Chị H có trách nhiệm kê khai đề nghị cấp đổi Chứng nhận đăng ký xe mô tô tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Anh Ma Doãn T được quyền sở hữu 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA; số loại BLADE; màu sơn: Đen đỏ; Biển số đăng ký 22F1-232.56 đăng ký lần đầu ngày 02/10/2017 tại Công an huyện Chiêm Hóa (Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 007738 - Tên chủ xe Ma Doãn T, sinh năm 1974).

+ Về công nợ chung: Chị H và anh T thống nhất thỏa thuận anh Ma Doãn T có nghĩa vụ thanh toán số tiền 9.600.000 đồng (*Chín triệu sáu trăm nghìn đồng*) cho anh Tô Văn P.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

+ Về đất đai chung: Các đương sự đều xác định không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn): Chị Hoàng Thị H có nghĩa vụ nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2018/0001996, ngày 13/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa. Trả lại cho chị Hoàng Thị H 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Anh Ma Doãn T không phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với việc phân chia tài sản chung do đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu Tòa án ghi trong Quyết định trước khi Tòa án tiến hành hòa giải.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã TM;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Thùy Trâm